

**MA-HA CHỈ QUÁN****QUYỂN 5**  
(Phần Cuối)

**4. Nói về phá pháp biến:** Pháp tánh thanh tịnh, không hợp không tan, đường ngôn ngữ bật, chỗ tâm hành diệt, chẳng phá chẳng không phá, vì sao nói phá, chỉ vì chúng sinh thường điên đảo, phá điên đảo khiến cho chúng sinh không còn điên đảo, cho nên nói phá pháp biến. Đoạn trên nói thiện xảo an tâm thì định tuệ khai phát, không đợi phải phá nữa. Nếu chưa tương ứng thì nên dùng tuệ có định để làm cho thanh tịnh, cho nên nói phá. Nhưng cách phá phải y theo pháp môn, kinh dạy pháp môn khác nhau; hoặc quán hành làm pháp môn, trong đại phẩm nói bốn mươi hai tự môn; hoặc quán hành làm môn, thích luận nói Bồ-tát tu ba Tam-muội duyên thật tướng các pháp; hoặc trí tuệ làm môn, kinh Pháp Hoa chép: Kia là trí tuệ môn; hoặc lý làm môn, đại phẩm nói pháp vô sinh vô lai vô khứ tức là Phật. Y theo giáo môn thông quán, theo quán môn mà thông trí, y theo trí môn mà thông lý. Lý làm môn thì lại thông chỗ nào? Các môn giáo, quán trí... đều y theo lý, năng y là môn, sở y vì sao chẳng phải môn, tuy không có chỗ thông mà rốt ráo thông khắp đó là diệu môn. Tuy đặt ba môn, nay chỉ nói giáo môn. Bốn môn tam tạng trước phá kiến hoặc, sau đó mới phá tư hoặc... bốn môn Thông giáo cũng trước phá kiến hoặc, sau phá tư hoặc, cũng đều phá, chỉ phá bốn trụ không được gọi là biến. Bốn môn Biệt giáo theo thứ lớp dứt năm trụ, đây mới là dọc khắp, ngang không khắp, đều chẳng phải nay mới dụng, nay bất tư nghì một cảnh tất cả cảnh, một tâm tất cả tâm, các pháp ngang dọc đều hướng về tâm, vì phá tâm cho nên tất cả đều phá, cho nên nói là khắp, các môn khác phá không khắp thì không cần nói bốn môn Viên giáo đều có khả năng phá khắp, đó là hữu môn vô môn, vừa hữu vừa vô môn, phi hữu phi vô môn. Nay lại lập ba môn, lại nương không vô sinh môn, vô sinh môn thông với chỉ quán, cùng tốt nhân quả. Lại năng hiển bày vô sinh khiến cho pháp môn bừng sáng, vì sao? Vì chỉ quán là hành, vô sinh môn là giáo, y giáo tu hành thông

đến vô sinh pháp nhãn, nhân vị đầy đủ. Kinh tịnh danh nói ba mươi hai vị Bồ-tát mỗi vị đều nói nhập phá môn không hai, đều là Bồ-tát từ môn nhập vị, vô sinh là đầu. Đại phẩm nói tự môn A nghĩa là các pháp vốn bất sinh nay chứng vô sinh thông chỉ quán đạt đến nhân, nghĩa kia có thể thấy. Chỉ quán bừng sáng vô sinh môn, pháp không tự nó hiển bày, mà do người mở mang, người năng hành hạnh, pháp môn mới bừng sáng, khiến cho giáo pháp vô sinh ngang dọc vô ngại, tất cả đều thông, nghĩa môn mới thành. Thí như người đời ra vào cửa ngõ, người có địa vị thì môn vinh hoa sáng rực, năng thí đã vậy thì sở thí có thể hiểu.

Môn thông quả: Đại Kinh chép: Bát-nhã là không, bàn là sinh nghĩa là bất sinh gọi là đại Niết-bàn. Lại nói hai pháp lại nói có thể làm lợi ích lớn, cho đến Bồ-đề.

**Đại Phẩm chép:** Pháp vô sinh không đến không đi, pháp vô sinh tức là Phật.

**Kinh Pháp Hoa chép:** Phật tự trụ Đại thừa, như phép ngài đặc sức định tuệ trang nghiêm, lấy đó độ chúng sinh, vả lại dẫn ba kinh kết quả nghĩa rõ ràng. Chỉ quán năng hiển bày quả, quả không tự hiển bày, do hạnh cho nên quả mãn, quả mãn cho nên tất cả đều mãn, sừng sừng nguy nga như sao, như trăng, chiếu sáng khắp mười núi báu, tỏa khắp bốn biển, quả cũng như vậy vô thượng vô thượng, công cao thập địa dẫn dắt khắp bốn căn cơ. Trong kinh Kim Quang Minh, Phật lễ tháp thờ hai cốt, tức là nghĩa ấy giáo môn vô sinh dọc thâu nhiếp nhân quả, nghĩa kia đã rõ ràng, ngang thâu nhiếp ý, nay sẽ nói.

**Đại Phẩm chép:** Nếu nghe vô môn thì hiểu tất cả nghĩa, đầu tiên là chữ A-thâu-nhiếp bốn mươi một chữ, bốn mươi một chữ thâu nhiếp chữ A, các chữ khoảng giữa cũng giống như vậy, ngang dọc thâu nhiếp đầy đủ, văn ấy như thế, ý này khó thấy, lại dẫn kinh Phật tạng chỉ bày tướng ấy. Kế là dẫn kinh Niết-bàn giải thích nghĩa ấy, sau nói vô sinh môn phá pháp biến.

**Kinh Phật tạng chép:** Khi kiếp hỏa khởi Bồ-tát nhỏ nước bọt thì lửa liền tắt, một khi thời thế giới liền thành, chẳng phải là trước diệt sau thành, chỉ một lần nhỏ liền diệt liền thành. Kinh ấy nói ngoại dung nội hợp vô sinh môn, tức phá biến, tức lập biến, phá lập không cần hai niệm. Nếu bên trong không có đức ấy thì bên ngoài không có dụng lớn, nương nhờ bên ngoài để hiển bày bên trong, tướng kia như vậy, cần phải hiểu biết quán tâm, chúng sinh một thời kỳ sẽ làm xong, tức là kiếp tận. Ba độc ba tai là nguyên nhân của lời nói, dùng để chỉ chỉ nhỏ nước bọt thì lửa tắt, dùng quán quán như thổi mà thế giới thành..

**Đại kinh thích nghĩa:** Không nghe nghe một câu có nhiều nghĩa, ban đầu nói: Bất sinh sinh, bất sinh bất sinh, sinh bất sinh, sinh sinh, xét bốn câu này nói về vô sinh môn, thâm nhiếp các pháp tự hành nhân quả hóa tha năng sở đều khắp.

**Bất sinh sinh:** An trú thế đế, lúc mới ra thai thì gọi là bất sinh sinh. Nay giải thích thế đế: Vô minh cùng pháp tánh sinh ra tất cả sự ngăn cách phân biệt, cho nên gọi là thế đế.

**An trụ:** Dùng chỉ quán an trú thế đế, tức là cảnh bất khả tư nghì, thành quán hạnh vị, nên gọi là an trụ, do an trụ cho nên gá vào Thánh thai, ban đầu khai kiến Phật, đắc vô sinh nhẫn, gọi là ra khỏi Thánh thai, không thấy vô minh thế đế nên gọi là bất sinh, đạt được sự thấy biết như Phật nên gọi là sinh, luận chép các pháp bất sinh mà Bất-nhã sinh, tức là nghĩa ấy. Đây nói tự hành giai vị vô sinh nhẫn, nghĩa nhân thành tự.

**Kinh giải thích bất sinh bất sinh:** Bất sinh bất sinh là đại Niết-bàn, vì tướng sinh đã hết, vì tu đạo đắc. Nay giải thích quả do nhân khắc chế, cho nên nói tu đạo đắc đoạn đức đã viên mãn thì vô minh bất sinh, trí đức đã viên mãn thì Bất-nhã bất sinh cho nên nói bất sinh bất sinh. Ở đây nói tự hành tịch diệt, nhân nghĩa quả đã thành. Nhân quả đã viên mãn như kinh Phật tạng nói nhổ một bãi nước bọt, ngay nơi diệt là lập, chính là nghĩa ấy.

**Kinh giải thích sinh bất sinh:** đối với thế đế, khi chết gọi là sinh bất sinh. Ở đây, giải thích thế đế: Vô minh là căn bản của kia, đã phá vô minh cho nên nói thế đế chết, thế đế chết cho nên gọi là sinh bất sinh. Đây giải thích câu đầu, trên câu đầu duyên nơi lý, trí đức thành cho nên nói bất sinh sinh, dưới câu này là phá hoặc đoạn đức thành cho nên nói sinh bất sinh. Bất sinh tên gọi tuy đồng nhưng sự lý rất khác. Câu đầu nói trí tuệ khai phát là sinh, câu này là kết nghiệp khởi động gọi là sinh, tên gọi sinh đồng mà sự buộc thoát lại rất khác, chẳng mê gọi là hoặc chỉ cần phải sáng suốt hiểu rõ. Câu đầu khắc trong thối, câu này như thối trong khắc, khắc thối cùng một lúc không thể trước sau.

Kinh lại giải thích câu này rằng: Hàng Bồ-tát tứ trụ gọi là sinh bất sinh, sinh tự tại. Nay giải thích thuyết sinh bất sinh ở trước tự thực hành thì hoặc diệt, giải thích lại sinh bất sinh, nói về sự hưng thịnh của việc hóa đạo. Vì sao? Khi Bồ-tát tứ trụ phá kết nghiệp sinh thì có thể tự tại sinh, hướng chi dứt năm trụ ư! Dùng thua hiển bày thắng càng hiện rõ sự hóa đạo, hàng Nhị thừa dứt hoặc đắm vào không chẳng thể như đây, cho nên nêu Bồ-tát, hoặc dứt thì hiển bày, khắc hóa phát khởi thối.

*Kinh giải thích sinh sinh:* Là tất cả hữu lậu niệm niệm sinh, nay giải thích câu này nói về chỗ hóa dụng. Vì sao Bồ-tát bất sinh mà sinh, bởi tất cả chúng sinh hữu lậu nối nhau không dứt. Thế nên Bồ-tát khởi tâm đại bi, hiển bày tự tại sinh mà độ thoát, đó gọi là vô sinh môn thâm nhiếp tự hành nhân quả hóa tha năng sở tất cả đều đầy đủ.

Bồ-tát Tứ trụ kinh địa trừ chếp: từ Sơ Trụ phát tâm đến thập địa, phải thực hành sáu trụ:

1. Chủng tánh trụ.
2. Giải hành trụ.
3. Tịnh tâm trụ.
4. Hành đạo tích trụ.
5. Quyết định trụ.
6. Cứu cánh trụ.

- *Chủng tánh trụ:* Nếu người không có chủng tánh tuy sinh vào đường lành nhưng thường thối, thường tiến, không được ở trong số sáu vị Bồ-tát, nếu chủng tánh thành tựu thì hông có lui sụt, thường thường tăng tiến, được làm trong số sáu vị này. Người giải hành là Sơ địa phương tiện, tịnh tâm trụ là nhập vào Sơ địa, được tâm xuất thế gian lia ngã tướng chướng của phàm phu, cho nên gọi Tịnh tâm trụ. Hành đạo tích trú: Từ Sơ địa trụ tu đạo. Quyết định trụ là Bát địa, cứu cánh, đã được báo hành không trở lại, không lui sụt, cho nên gọi là quyết định trụ.

- *Cứu cánh trụ:* Đệ thập địa học hành đầy đủ cùng tận, cho nên nói cứu cánh trụ. Kinh gọi bốn trụ, gọi là sinh bất sinh chính là hành đạo tích trụ, từ nhị địa trở lên chính là nhập giai vị giả hóa tha, hiện sinh ở khắp nơi mà chẳng phải thật sinh, dùng biệt hiển bày viên. Khi mới ra thai liền có thể làm lợi lạc cho chúng sinh, hóa sinh tự tại, đối với nghĩa viên cũng không lầm lỗi.

Kinh lại nêu sáu câu: Bất sinh sinh cũng không thể nói sinh sinh cũng không thể nói, sinh bất sinh cũng không thể nói, bất sinh bất sinh cũng không thể nói sinh cũng không thể nói, bất sinh cũng không thể nói. Xét sáu câu này nói về vô sinh môn phá pháp biến, nếu phá tứ nghi hoặc nên dùng bốn câu trước. Nếu phá bất khả tứ nghi hoặc dùng hai câu sau, vì sao? Vì tứ nghi hoặc tuy nhiều nhưng không ngoài giới nội ngoại, giới ngoại hoặc phụ giúp thể phát sinh, cho nên nói bất sinh sinh, giới nội hoặc là nhánh ngọn cho nên nói sinh sinh, hoặc này lằng xằng đều là cảnh sở hóa, vì cảnh này cho nên lập bày tự tại sinh, cảnh sở hóa đã không thật có thì chỗ nào có năng hóa? Năng sở đều mất cho nên bất sinh sinh, sinh sinh đều không thể nói. Nếu phá tứ nghi giải thì,

giải này tuy nhiều nhưng không ngoài giới nội ngoại, giới nội giải thì bỏ sót phần đoạn cho nên nói sinh bất sinh, giới ngoại giải cả hai, đều bỏ phần đoạn, biến dịch, cho nên nói bất sinh bất sinh, giải này có sâu có cạn, cho nên có các thứ tự hành nhân quả, lý còn chẳng phải một, đâu có nhiều thứ. Nay nhỏ khắp phá cho nên nói sinh bất sinh không thể nói, bất sinh bất sinh cũng không thể nói bất sinh bất sinh cũng không thể nói. Nếu bất khả tư nghì hoặc, thì chỉ là vô minh. Vô minh cho nên sinh. Sinh cho nên vô minh. Vô minh, vô minh không thật có, sinh cũng không thật có. Nay đều thóa (nhỏ) phá, cho nên nói sinh không thật có. Nếu phá bất khả tư nghì giải, chỉ là viên giải, viên giải từ đầu đến cuối phân chia vượt ngoài nhân quả, lý không biến viên, cũng chẳng phải đầu cuối, đâu có nhân quả, nay phá khạc cho nên nói bất sinh không thật có. Đem ý kinh kia giải thích vô sinh môn phá pháp biến, nghĩa ấy rõ ràng, Phật tự giải thích sáu câu.

Thế nào là bất sinh sinh không thể nói? Bất sinh gọi sinh cho nên không thể nói? Bất sinh là pháp tánh, sinh là vô minh. Hàng Nhị thừa chứng bất sinh còn thọ pháp tánh sinh, cho nên nói bất sinh gọi là sinh. Nương tôn chỉ này của Phật biết ngoại này phụ giúp cho thể hoặc bất sinh mà gọi à sinh, sinh tức điên đảo, điên đảo tức bất điên đảo, chỗ tâm hành diệt đường ngôn ngữ bật, cho nên không thể nói.

Thế nào là sinh sinh không thể nói? Sinh sinh cho nên sinh, sinh sinh cho nên bất sinh cho nên không thể nói. Nay giải thích sinh sinh cho nên sinh, tức là đại sinh sinh ra tiểu sinh, tám tướng biến đổi pháp hữu lậu, nương tôn chỉ này của Phật mà biết được giới nội này là hữu lậu hoặc. Sinh sinh cho nên bất sinh là pháp do nhân duyên sinh tức không tức trung, chỗ tâm hành diệt đường ngôn ngữ bật cho nên không thể nói.

Thế nào là sinh bất sinh không thể nói? Sinh tức gọi là sinh, sinh không tự tại cho nên không thể nói. Nay giải sinh tức gọi là sinh chính là các pháp bất sinh Bát-nhã sinh. Sinh không tự tại sinh Bát-nhã này sinh không từ bốn câu sinh, sinh không tự tại là câu đầu. Nói đủ sinh không phải từ tha sinh, sinh không công sinh, sinh đều do nhân sinh. Lại nữa, khi Bát-nhã sinh thì thế đế đã chết, không còn có sinh mà sinh trong ba cõi, do nhân sinh chẳng phải nghiệp sinh, cho nên nói sinh không tự tại, hoặc Bát-nhã sinh, hoặc tự tại sinh đều nói đường ngôn ngữ dứt cho nên không thể nói, y cứ vào ý này biết đây giải giới nội.

Thế nào là bất sinh bất sinh không thể nói? Do tu đạo mà đắc. Nay giải thích tu đạo đắc chính là chứng quả cùng tột, dưới thập địa chẳng

biết được, đâu thể nói năng, y cứ theo đây biết là giải giới ngoại.

**Kinh chép:** Sinh cũng không thể nói do vô sinh. Nay giải thích phá này bất tư nghị hoặc giới nội sinh sinh cũng là sinh, giới ngoại bất sinh sinh cũng là sinh, chỉ là sinh sinh của vô minh, phải nương gá vào duyên sinh, duyên sinh tức không, tức trung chỗ tâm hành diệt, đường ngôn ngữ bật, cho nên không thể nói. Kinh dạy bất sinh không thể nói vì có đặc. Nay giải thích phá này bất tư nghị giải, cho đến giải của giới nội cũng do tu đạo đặc, giải giới ngoại cũng do tu đạo đặc, đặc thì đến lý, lý thì bật tâm miệng, cho nên không thể nói.

Đức Phật dùng sáu câu phá các pháp giải hoặc, đều nói không thể nói, càng hiển bày vô sinh môn phá pháp biến. Theo kinh Phật tạng thì bốn câu trước vừa thối vừa nhỏ, hai câu sau kết bốn câu trước thối nhỏ đó thôi. Sáu câu này chỉ nói về nhỏ. Lại nữa, kinh lắng nghiêm chép: Ta từ đêm đặc đạo đến đêm nhập Niết-bàn không nói một chữ. Đức Phật nhân hai pháp mà nói như vậy, nghĩa là duyên tự pháp và pháp bốn trụ. Tự pháp là pháp mà Đức Như Lai kia chứng đắc ta cũng chứng đắc, không thêm không bớt, lia ngôn thuyết vọng tưởng văn tự hai đường.

Giải thích rằng: Duyên tự pháp là chứng thật tánh của Thánh chân đế. Lia văn tự là lia giả danh. Lia hai đường là lia thuyết, sở thuyết, tưởng, sở tưởng, danh, sở danh.

Bốn trụ tánh: Nghĩa là đạo pháp giới của bậc tiên Thánh là thường trụ, như đường hướng về thành, đường được người đi, chẳng phải hành giả làm đường, thành từ đường mà đến, chẳng phải người đi đến làm thành.

**Kinh chép:** Kẻ sĩ phu thấy đường bằng phẳng, liền theo vào thành, được sự an vui như ý, ta pháp giới của Phật trước là thường trụ cũng giống như vậy, vì vậy cho nên Đức Phật dạy từ đêm thành đạo đến đêm Niết-bàn không nói một chữ. Nên biết hai pháp quyết định chẳng phải khẩu ngôn phân biệt năng sở biến đổi, bốn pháp là như lý. Tự pháp là chứng thật. Nghĩa này giống với bốn câu không thể nói của đại kinh. Sinh sinh không thể nói là bốn pháp không thể nói sinh thuận theo duyên sinh, bốn pháp không thể nói, sinh bất sinh không thể nói, tức tự đoạn pháp không thể nói; bất sinh sinh không thể nói tức tự trí pháp không thể nói; bất sinh bất sinh không thể nói tức là pháp cứu cánh tự chứng pháp không thể nói. Hai câu sau mỗi kết sinh không thể nói kết bốn pháp không thể nói. Một câu kết bất sinh không thể nói, kết tự chứng pháp không thể nói.

**Đại kinh chép:** Pháp mười nhân duyên sinh tác nhân cũng có thể

được nói. Nay giải thích, đây tức là nghĩa vô sinh môn biến lập, cũng như kinh Phật tạng nói thối khắp liền thành thế giới.

Mười nhân duyên là từ chi vô minh cho đến chi hữu lập các pháp.

Lập có ba nghĩa:

1. Lập chúng sinh.
2. Lập cơ duyên.
3. Lập Thanh giáo.

Lập chúng sinh: quá khứ hai nhân, hiện tại năm quả, lại làm nhân duyên lẫn nhau mà lập năm ấm giả danh chúng sinh. Lập căn cơ: Quá khứ hoặc tu hành, tích hạnh, thể hạnh, tiệm hạnh, đốn hạnh, ấy hạnh làm nghiệp thắm nhuần vô minh, đến nay năm quả đối với ấm quả này lại khởi bốn tập, hoặc khởi phân tích ái thủ hữu, hoặc khởi thể ái thủ hữu, hoặc khởi tiệm ái thủ hữu, hoặc khởi đốn ái thủ hữu, thủ hữu khởi cho nên được gọi là cơ duyên.

Lập thanh giáo: Phân tích ái thủ hữu khởi cho nên cảm tạng giáo, đó gọi là sinh sinh bất khả thuyết mười pháp nhân duyên, gọi sinh sinh làm nhân, cũng có thể được nói, nói là sinh sinh. Thể ái thủ hữu chiêu cảm Thông giáo, đó gọi là sinh bất sinh không thể nói mười pháp nhân duyên, là sinh bất sinh làm nhân, cũng có thể được nói, nói sinh bất sinh. Tiệm ái thủ hữu chiêu cảm ở Biệt giáo, đó gọi là bất sinh sinh không thể nói mười pháp nhân duyên, bất sinh sinh làm nhân, cũng có thể được nói, nói bất sinh sinh. Đốn ái thủ hữu chiêu cảm ở Viên giáo, đó gọi là bất sinh bất sinh không thể nói mười pháp nhân duyên, là bất sinh bất sinh làm nhân, cũng có thể được nói, nói bất sinh bất sinh. Nếu lập chúng sinh, thì tất cả hoặc pháp nhân quả đều lập, tất cả sở hóa lập. Nếu lập cơ giáo thì tất cả giải hạnh nhân quả lập. Tất cả năng hóa lập, đó là vô sinh môn, một lập tất cả đều lập. Cho nên, Đại Phẩm chép: Nếu nghe tự môn A thì hiểu tất cả nghĩa kinh.

**Phật tạng chép:** Một phen thối thì tất cả đều thành chính là nghĩa này. Kinh địa trì nói bốn thứ thành thực nghĩa là chủng tánh Thanh văn, chủng tánh duyên giác, chủng tánh Phật, và chủng tánh Bồ-tát, không có bốn thứ tánh này để thuận thực đường lành. Chủng tánh Phật tức tức là viên cơ này chủng tánh Bồ-tát tức là biệt cơ này. Văn ấy chép: Chủng tánh Bồ-tát có Phật hay không Phật đều có thể theo thứ lớp dứt bỏ phiền não chướng và sở tri chướng, đâu chẳng phải biệt cơ, chủng tánh Thanh văn sẽ khai mở, khác biệt gốc lành tức tam tạng cơ, thối đại theo Tiểu thừa tánh tức là thông cơ. Bốn thứ kia thành thực tức là nghĩa của bốn thứ cơ duyên này.

Hỏi: Sáu câu trên là vô sinh môn, một phá tất cả đều phá, mười pháp nhân duyên là vô sinh môn, một lập tất cả đều lập. Bốn câu trên là vô sinh môn vừa phá vừa lập, cũng nên có câu thứ bốn chẳng phải phá chẳng phải lập phải không?

Đáp: Trong đại kinh quyển mười chín, phần đầu chép: Công đức của mười việc không thể suy nghĩ, bàn luận, làm người nghe kinh sợ, chẳng khó chẳng dễ, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải tương chẳng phải phi tương, chẳng vuông chẳng tròn, chẳng phải nhọn chẳng phải tà... tức là nghĩa là văn của câu văn thứ tự chẳng phải phá chẳng phải lập.

Hỏi: Nếu vô sinh môn thâm nhiếp tất cả pháp thì không còn các môn?

Đáp: Vô sinh môn cũng thâm nhiếp các môn, các môn cũng thâm nhiếp vô sinh môn, muốn nương nghĩa trí đức tiện cho nên nói vô sinh môn. Ở đây nên có bốn câu sinh môn, vô sinh môn, vừa sinh vừa vô sinh môn, chẳng phải sinh chẳng phải vô sinh môn, mỗi môn đều có bốn môn, bốn lần bốn là mười sáu môn. Nếu theo nghĩa đoạn thức tiện thì lẽ ra có diệt môn, bất diệt môn, vừa diệt vừa bất diệt môn, chẳng phải diệt, chẳng phải bất diệt môn, mỗi môn đều có bốn môn, bốn lần bốn là mười sáu môn, hiệp lại có ba mươi hai môn.

**Đại kinh nêu:** Ngày mười lăm trăng thêm sáng, chính dị cho trí đức, ngày mười sáu trăng bớt sáng, chính dụ cho đoạn đức, trăng không thêm không bớt là y cứ vào bạch luận, thêm là y cứ vào hắc luận, bớt là thật tướng vô trí vô đoạn, ý cứ vào chiếu luận, trí là y cứ vào tịch luận đoạn. Nếu vô sinh môn thâm nhiếp tất cả pháp cao tột thì dọc này thâm nhiếp tất cả pháp, nếu vô sinh môn thâm nhiếp các pháp rộng khắp thì tức là vô sinh môn ngang thâm nhiếp tất cả pháp.

Hỏi: Vô sinh môn môn gọi là vô sinh, hoặc trí kia đoạn... đều nên gọi là vô sinh, đâu thể nói vô sinh ra sinh, sinh sinh tự tại?

Đáp: Đây lại giúp hiển bày vô sinh môn, vô sinh hiển phát cho nên nói vô sinh sinh, nói về sở hóa cho nên nói sinh sinh, nói về ứng dụng cho nên nói sinh tự tại, là vô sinh môn, tức là nhờ cho nên nói vô sinh tức thời cho nên nói vô sinh sinh... càng hiển bày vô sinh môn, thâm nhiếp pháp biến. Y cứ vào đại kinh giải thích nghĩa môn đã xong...

Kế là nói về phá pháp biến, chia làm ba:

1. Vô sinh môn từ đầu đến cuối, cùng tột nguồn gốc, dọc phá pháp biến.

2. Trải qua các pháp môn, đương môn, từ đầu đến cuối, cùng tận



nguồn gốc, ngang pháp pháp biến.

3. Ngang dọc không hai từ đầu đến cuối, cùng tận nguồn gốc, chẳng ngang chẳng dọc phá pháp biến: Dọc thì nói về chiều cao, ngang thì nói về chiều rộng. Bề dọc lại vào bề ngang, không rộng mà không cao, bề ngang lại vào bề dọc, không dài mà không rộng.

**Kinh Pháp Hoa chép:** Xe kia cao rộng, ngang dọc không hai thì chẳng ngang chẳng dọc, cho nên nói: Pháp ấy bình đẳng không cao không thấp.

4. Vô sinh phá pháp biến lại chia làm ba:

1. Từ giả nhập không phá pháp biến.

2. Từ không nhập giả phá pháp biến.

3. Hai quán làm phương tiện, được nhập trung Đệ nhất nghĩa để phá pháp biến. Ba quán này thật ở trong một tâm, pháp vi diệu khó hiểu, nương nhờ ba pháp quán để hiển hiện một.

**Đại Luận chép:** Ba trí thật ở trong một tâm, vì nói cho người nghe khiến dễ hiểu nên chia thuộc ba người.

Kinh Hoa Nghiêm cũng có hai ý: Giảng nói Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành, đó là hàng độn căn, lúc mới phát tâm liền thành chánh giác, tất cả thân trí tuệ không do người khác mà ngộ, đó là hàng lợi căn.

Kinh pháp hoa chỉ một ý, chánh bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Nay muốn nương riêng bày chung, nêu thứ lớp mà nói không thứ lớp, cho nên trước giải thích ba nghĩa.

**1. Từ giả nhập không phá pháp biến**, lại chia làm ba: Từ thấy giả nhập không, kể đến từ tư giả nhập không, sau cùng bốn môn gián lược.

Thứ nhất: Từ kiến giả nhập không lại chia làm hai: Trước nói về thấy giả, kể là nói về không quán, kiến hoặc nương vào thể mà sinh, lại làm chướng ngại thể, như hơi lửa bốc lên nương hư không, lại làm động loạn hư không, giống như mộng do ngủ mê, mộng là do ngủ, mộng nếu không dừng thì ngủ không thức được, hoặc này mà không dứt thì thể không được hiển bày. Nhưng thấy thì thấy lý, thấy thật chẳng phải hoặc, khi thấy lý thì có thể dứt hoặc này, do đó mà hiểu đặt tên, gọi là kiến hoặc.

Kiến hoặc có bốn: Chấp có, chấp không, chấp vừa có vừa không, chấp chẳng phải có chẳng phải không. Đối với nhất hữu kiến lại khởi lợi độn, nghĩa là vô ngã, ngã và hữu đi chung, thường khởi ngã tâm, tương ứng với ngã, tức là ngã kiến, do chấp ngã nên năng sinh biên

kiến, do chấp ngã biên cho nên phá nhân quả thế gian, xuất thế gian, tức là tà kiến; chấp đây là con đường trông mong thông đến Niết-bàn, gọi là giới thủ; gọi đây là thật, ngoài ra đều là nói dối, không chấp nhận các kiến khác, gọi là kiến thủ; là pháp mình ưa thích, chẳng phải pháp mình sân, ta hiểu người khác không hiểu, sinh tâm kiêu ngạo, không biết trong hữu kiến khổ tập là si, do dự không quyết định là nghi. Mười sử như vậy trải qua tứ đế cõi dục, thân và biên, từ diệt trở xuống có bảy trừ thân giới thủ và biên giới thủ, hiệp lại thành ba mươi hai sử. Trải qua tứ đế cõi sắc có hai mươi tám sử, cõi vô sắc cũng giống như vậy. Chẳng hạn như trừ một sân thì hiệp hết lại có tám mươi tám sử, ba kiến còn lại cũng đều có đủ tám mươi tám sử. Nếu trải qua sáu mươi hai kiến, mỗi kiến có đủ tám mươi tám sử điên đảo lãng mạn, không thể tính số, tà càng ràng buộc ẩn mật thì càng chướng ngại đối với lý thể.

**Kinh Ngũ Thập Hiệu Kế chép:** Nếu mắt thấy sắc tốt thì trong đó có ấm có tập, thấy sắc xấu trong đó có ấm có tập, cho đến ý duyên pháp cũng như thế. một căn có ba, trong ba căn có sáu, sáu căn có đủ ba mươi sáu phiền não, ba đời hiệp lại có một trăm lẻ tám, trải qua sáu mươi hai kiến tám mươi tám sử phiền não, mỗi thứ đều có một trăm lẻ tám. Phải biết cử tâm động niệm mênh mông bờ mé, tối tăm mù mịt, đều không thấy biết..

Theo sự giảng giải của thế tục, thì cho là có cái thấy này chẳng phải không có cái thấy này vừa có vừa không có cái thấy này, chẳng phải có, chẳng phải không có cái thấy này đây nói với kinh, người với tâm.

**Kinh chép:** Y chỉ các kiến này có đủ sáu mươi hai kiến, như ông hiểu số thì thiếu ít, Trung luận phá tự tha tánh, tánh có tự tánh, đối với có mà nói vô thì vô là tha tánh, hoặc có hoặc không đều là tánh, vì sao có cái thấy này. Lại nữa, vô này đã chẳng phải là cái vô chứng lý, đâu được vô kiến, các ngoại đạo kiếp gốc, kiến gốc kiếp ngọn, kiến ngọn, vì đều chấp là sự thật, còn lại là nói dối, thêm kiến lớn phi, ngô ngã độc thanh, nắm đầu nhỏ tóc, cấu tạo sinh tử, như Phạm chí Trường Trảo tuy không thọ tất cả pháp mà thọ nơi không thọ. Không biết khổ tập, Đức Phật liền quở trách, bị đọa vào hai phụ xứ, ngoại đạo cao chấp còn chưa trách khỏi kiến, vì sao thấp kém lắm cho là phải. Nay phân rõ điều này đều thuộc về đơn tứ kiến. phức tứ kiến: Nghĩa là có hữu, vô vô, vô hữu, vô vô, cũng có có vô, cũng không có vô, chẳng phải có hữu vô, chẳng phải không hữu vô. Đây là phức tứ kiến, trong mỗi kiến có đủ tám mươi tám sử, nếu sáu mươi hai kiến mỗi kiến lại có đủ tám mươi tám sử, một

trăm lẻ tám sử... như trên nói. Đây đủ tứ kiến. hữu kiến có bốn đó là có hữu, có vô, hữu vừa, có vừa không hữu chẳng phải có chẳng phải vô. Vô có bốn là vô hữu, vô vô, vô vừa có vừa không, vô chẳng phải có chẳng phải vô. Vừa hữu vừa vô có bốn, đó là: Vừa hữu vừa vô hữu, vừa hữu vừa vô vô, vừa hữu vừa vô vừa hữu vừa vô, vừa hữu vừa vô chẳng phải hữu chẳng phải vô. Chẳng phải hữu chẳng phải vô có bốn là: Chẳng phải hữu, chẳng phải vô hữu, chẳng phải hữu chẳng phải vô vô, chẳng phải hữu chẳng phải vô vừa hữu vừa vô, chẳng phải hữu chẳng phải vô chẳng phải hữu chẳng phải vô, đó gọi là đầy đủ bốn kiến. mỗi câu có đủ tám mươi tám sử, sáu mươi hai kiến như vậy, mỗi kiến có đủ tám mươi tám sử, một trăm lẻ tám sử... như trước nói. Bặt dứt ngôn kiến, ngoài đơn bốn kiến, tuyệt dứt ngôn kiến, ngoài phức bốn câu tuyệt dứt ngôn kiến, ngoài đầy đủ bốn câu tuyệt dứt ngôn kiến, mỗi kiến đều khởi tám mươi tám sử, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám sử... như trước nói. Các thứ như vậy y cứ vào pháp ngoại đạo sinh các kiến như vậy. Lại y cứ vào Phật pháp sinh kiến: Bốn môn của tam tạng sinh bốn kiến, bốn môn của Thông giáo sinh bốn kiến, bốn môn của Biệt giáo sinh bốn kiến, bốn môn của Viên giáo sinh bốn kiến. Lại nữa, ngoài một thứ bốn môn, mỗi thứ đều có tuyệt ngôn kiến, như vậy trong mỗi kiến đều sinh khởi tám mươi tám sử, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám sử... như trước nói. Lại nữa, kiến hoặc chẳng những tùy sự hiểu biết mà có tên, mà còn đương thể được tên gọi là giả, giả là luống dối điên đảo gọi là giả. Chẳng hạn trước cũng nên nói đơn tứ giả, phức tứ giả đầy đủ bốn giả, mỗi thứ đều có tuyệt ngôn giả. Theo Phật nên nói đơn tứ giả, phức tứ giả, đầy đủ bốn giả, mỗi thứ đều có tuyệt ngôn giả. Theo Phật pháp lại có mười sáu giả, mỗi mỗi giả như trước nói. Lại trong mỗi giả lại có ba giả, đó là nhân thành giả, tương tục giả và tương đãi giả, pháp trần đối ý căn sinh, một niệm tâm khởi tức nhân thành giả; niệm trước niệm sau thứ lớp không dứt tức tương tục giả; đối đãi với vô tâm biết có tâm này, tức tương đãi giả. Trên nhân thành y cứ vào ngoại trần nội căn, tương tục chỉ y cứ vào nội căn, tương đãi dọc đối đãi diệt vô của vô. Lại ngang đối đãi với vô tâm của ba vô vi.

Khai thiện nói rằng: Nhân bao gồm hai giả trên, cho nên nói nhân bao gồm, giả trên chưa trừ, giả sau lại khởi cho nên nói là lỗi, đây là y cứ vào tâm mà nói ba giả. Lại y cứ vào sắc nói ba giả, hành nghiệp đời trước gá vào cha mẹ sinh mà có thân này, tức nhân thành giả. Từ lúc gá thai nói nhau cho đến lúc đầu tóc bạc phơ, tức tương tục giả. Dùng thân đối đãi với bất thân tức tương đãi giả. Lại y cứ vào y báo cũng đầy đủ

ba giả, như bốn (trụ) cây nhỏ thành cột lớn, thời tiết nối nhau thay đổi không ngừng, trụ này đối đãi với bất trụ, dài ngắn lớn nhỏ... đây là trong tam tạng giáo kinh tùy sự ba giả, gương giải thích như luận sư. Nhưng tên gọi này thông dụng, không riêng tại Tiểu thừa, Đại thừa cũng gọi ba giả, nương vào vô minh mà khởi, như huyễn như hóa, hỉ có tên gọi, không thật có bốn vi năng thành trong gương không thật có hương chi cột huyễn sở thành cột còn không thật có, hướng chi trải qua thời tiết nối nhau, dùng huyễn hóa dài ngắn đối đãi nhau, đâu có thể được. Nếu để hướng gì là khó mà nói mười ví dụ, ngay nơi sắc là không, chẳng phải sắc diệt không, chính là nghĩa này. Đó gọi là thừa tùy theo lý tam giả. Lại Thích luận nói ba thứ hữu: Tướng đãi hữu, giả danh hữu và pháp hữu.

**Tướng đãi hữu:** Dài do ngắn mà có, ngắn cũng do dài mà có, đây kia cũng như vậy, vật không khác mà có khác giữa đông và tây, có danh không thật gọi đó là tướng đãi hữu.

**Giả danh hữu:** Như ưa thích bốn việc sắc, hương, vị, xúc, do nhân duyên hòa hiệp, giả gọi là lạc, tuy hữu nhưng khác với cái hữu của nhân duyên, tuy vô nhưng không phải các vô của lông rùa sừng thỏ, chỉ do nhân duyên hòa hiệp mà có, giả danh gọi là lạc. Lại như sắc, hương, vị, xúc nhỏ nhen bằng vi trần cho nên có phần mao, phần mao (lông) cho nên có lông nhỏ có lông nhỏ cho nên có bện lông, bện lông cho nên có áo, đó gọi là giả danh hữu.

**Pháp hữu:** Nghĩa tứ vi sắc, hương, vị, xúc hòa hợp, cho nên gọi pháp hữu.

**Luận lại chép:** Ba giả thi thiết và ba giả như thế nào?

Đáp: pháp giả thi thiết như nhân thành, thọ giả thi thiết như nối nhau, giả danh thi thiết như tướng đãi.

**Luận chép:** pháp của năm chúng là Ba-la-nhiết-đề, năm chúng hòa hợp nên gọi chúng sinh, như do có gốc cành nhánh lá, cho nên có tên cây, gọi là thọ Ba-la-nhiết-đề, dụng ấy gọi là chữ. Chấp hai pháp tướng nói là hai thứ, đó gọi Ba-la-nhiết-đề, cho nên biết ba giả nghĩa đồng nhau. Văn trong kinh anh lạc cũng có ba giả.

**Đại Phẩm chép:** Có duyên thì sinh, không duyên thì tư không sinh, tức nhân thành ý.

**Đại Kinh chép:** Như pháp đọc tụng tuy niệm niệm diệt, cũng có thể từ một A-hàm đến một A-hàm, cũng như ăn uống tuy niệm niệm diệt cũng có thể ban đầu đối sau no, ý nối nhau.

**Kinh Tịnh Danh chép:** Vì nói pháp không tướng đãi nên một niệm

không trụ, phải biết tên của ba giả lớn nhỏ thông dụng, chẳng những tên là Tiểu thừa, mà pháp sinh tử còn cho kiến là giả, như trước nói, Đại thừa cũng gọi sinh tử là kiến, là giả, đó là bốn môn của tam tạng sinh ra bốn kiến, mỗi kiến có ba giả, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám phiền não... bốn môn của Thông giáo sinh bốn kiến, mỗi kiến có ba giả, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám phiền não... bốn môn của Biệt giáo sinh bốn kiến, mỗi kiến có ba giả sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám phiền não... giáo môn của Như Lai chỉ dạy người pháp không tranh cãi, tiêu thì thành cam lồ, không tiêu thì thành thuốc độc, vì thật ngữ là hư ngữ nên sinh ngữ kiến, cho nên đối với bốn môn, mười sáu môn khởi kiến, khởi giả...

2. *Nói về phá giả quán*, chia làm ba:

1. Phá giả quán.
2. Nói về đắc thất.
3. Nói về giai vị.

- Quán lại chia làm bốn:

1. Phá đơn.
2. Phá đức.
3. Phá cụ.
4. Phá vô môn.

Phá đơn chia làm hai: Đầu lược sau rộng.

Lược: Nếu một niệm tâm khởi đối với đơn bốn kiến thì phải là một kiến, kiến tức ba giả luống dối không thật, tám mươi tám môn mê như trước nói, các điều ác hiển bày như ở sau sẽ nói, phải đương thể không chỗ nương, hư không còn không, hư không không chỗ nương, hư không còn không có hư không thì làm gì lại còn có như thiêu đốt, như gió tung bay cùng khắp. Lại như ngủ nằm mộng có trăm ngàn nỗi lo buồn vui vẻ, gốc ngọn cả hai đều vắng lặng rốt ráo thanh tịnh, đó gọi là chỉ. Lại, quán vô minh tức pháp tánh không hai không khác, pháp tánh xưa nay thanh tịnh, không khởi không diệt, tâm vô minh hoặc cũng lại thanh tịnh, cái gì khởi cái gì diệt. Nếu cho rằng tâm này có khởi diệt thì ngang cho rằng pháp tánh có khởi diệt. Pháp tánh không khởi thì ai sinh lo buồn, pháp tánh không diệt thì ai sinh vui mừng, nếu không lo buồn, vui mừng thì sao lại phân biệt đây là pháp tánh, đây là vô minh, năng quán sở quán đó gọi là từ giả nhập vào không quán, tín hạnh lợi căn một phen nghe liền ngộ, pháp hành tự mình suy nghĩ không ngộ mà còn tăng thêm các lỗi lầm, cho nên Trung Luận chép: Trong đời tương lai người lợi căn chuyển thành độn căn, gây ra các việc ác, không biết

do nhân duyên gì cho nên nói rốt ráo không, vì vậy nên rộng thực hành pháp quán nói trong trung luận, nay cũng như vậy, vì hàng độn căn cho nên rộng phá. Đơn phức xong rồi, đến vô ngôn thuyết kiến, thông dụng bốn câu phá của ngài Long Thọ khiến cho sạch hết nếu một niệm râm khởi thì có đủ ba giả, ba giả như trước nói, phải quán một niệm này vì từ tâm tự sinh tâm, vì đối trần mà sinh tâm, vì căn trần cùng sinh tâm, vì căn trần lia sinh tâm. Nếu tâm tự sinh thì niệm trước là căn, niệm sau là thức, vậy từ căn sinh tâm, hay sinh từ thức sinh tâm. Nếu căn năng sinh thức thì vì có thức cho nên sinh thức hay căn là vô thức cho nên sinh thức? Nếu căn có thức thì căn thức đều có. Lại nữa, không có năng sinh, sở sinh, nếu căn vô thức mà lại năng sinh thức thì các vật vô thức không thể sinh thức. Căn đã vô thức mà lại có thức tánh cho nên năng sinh thức, thức tánh này là có hay không có, có thì đã là thức, đều ở nơi căn, thì vì sao gọi là tánh. Căn không có thức tánh không thể sinh thức, lại nữa thức tánh cùng với thức là một hay là khác? Nếu là một, thì tánh tức là thức, vô năng vô sở, nếu là khác thì lại là tha sinh, chẳng phải tự tâm sinh, tìm cầu rốt ráo như vậy biết tâm không từ tự sinh. Nếu nói tâm không tự sinh, trần đến phát tâm cho nên có tâm sinh.

**Dẫn kinh chép:** Có duyên thì tự sinh, vô duyên thì tự không sinh. Nếu vậy thì trần ở ngoài ý, đến phát trong thức thì tâm do tha sinh, nay suy tìm trần này là tâm này cho nên sinh tâm, vì chẳng phải tâm cho nên sinh tâm, nếu trần là tâm thì không gọi là trần, cũng chẳng ngoài ý thì đồng với tự sinh. Lại nữa, hai tâm đồng thì không có năng sở, nếu trần chẳng có tâm thì đâu có thể sinh tâm, như ở trước phá. Nếu trong trần có tánh sinh cho nên tâm, vậy tánh này là có hay không? Nếu tánh là có thì tánh và trần đều cũng không có năng sở, nếu không thì có thể sinh, tìm cầu như vậy biết tâm rốt ráo không từ trần sinh. Nếu căn trần hiệp cho nên có tâm sinh, căn trần mỗi thứ đều có tâm cho nên hiệp sinh tâm mỗi thứ đều vô tâm cho nên hiệp sinh tâm, nếu mỗi thứ có hiệp thì cả hai tâm sinh, rơi vào tánh tự tha, nếu mỗi thứ không hiệp thì cũng không, thí như mặt gương đều có hình bóng cho nên hiệp sinh tượng mỗi thứ đều không có hình bóng cho nên hiệp sinh tượng, nếu đều có tượng thì lẽ ra có hai tượng, nếu đều không tượng thì hiệp không thể sinh. Nếu gương và mặt hiệp làm một mà sinh tượng, nay thật không hiệp mà hiệp thì không tượng, nếu gương và mặt lia nên sinh tượng, thì mỗi thứ ở một phương lẽ ra có hình tượng, nay thật không phải như vậy, căn trần ly hợp cũng được như vậy, suy tìm như vậy biết tâm rốt ráo không từ hiệp sinh. Lại nữa, căn trần mỗi thứ đều có tâm tánh, hợp thì tâm sinh, nêu

xét tánh này là có hay là không, như trước phá... nếu căn trần đều lìa mà có tâm sinh thì đây là vô nhân duyên sinh, là có lìa này hay không có lìa này? Nếu có lìa này thì lại từ duyên sinh sao cho là lìa, nếu không phải đây lìa thì không do đâu mà sinh, nếu nói đây lìa có tánh thì tánh là có hay là không, nếu tánh là có thì lại từ duyên sinh, không gọi là lìa, nếu tánh là không thì không do đâu sinh, quy tìm như vậy biết tâm rốt ráo không từ lìa sinh, trung luận chép: Các pháp không tự sinh, cũng không từ tha sinh, không cộng không vô nhân, cho nên nói vô sinh, tức là ý này. Nếu suy tìm nhân thành quả bốn câu cầu sinh không thật có, chấp tánh tức mỏng manh, chỉ có tên gọi là tâm tánh, đành không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa, cũng không thường tự có, là chữ bất trụ không trụ có bốn câu, cũng không phải bất trụ, không trụ không có bốn câu, cho nên tâm vô trụ, tuy có tên gọi tâm tên gọi tức không. Nếu bốn câu suy tìm tánh không thấy tánh, là thế để phá tánh cũng gọi tánh không. Nếu bốn câu suy tìm danh không thấy danh là chân để phá giả, cũng gọi tướng không, tánh tướng đều không gọi là tổng tướng từ giả nhập không quán.

Cho nên, trung luận chép: Các pháp không tự sinh, nếu dụng quán như thế thì giống với ý của Trung luận. Nếu căn xem xét không thấy tâm tức là nội không, trần xem xét không tâm tức là ngoại không, căn trần hiệp lại xem xét không được tức nội ngoại không. Lìa xem xét không được tức là không không, bốn tánh xem xét không được tức là tánh không, bốn câu xem xét không được tức là tướng không. Nếu y cứ vào trần kiểm xét không có mười phương phần tức là đại không, cầu tười thượng thừa sở dĩ không được tức là Đệ nhất nghĩa không, bốn câu nhân duyên không được tức hữu vi không, nhân hữu vi nói vô vi, đã không được hữu vi, cũng không được vô vi, tức vô vi không. Bốn câu tìm tâm sinh vốn không được, tức vô thủ không, bốn câu tâm diệt không thật có tức tán không, bốn câu tìm tâm sinh diệt không thật có, cũng không được tâm, bất sinh bất diệt tức rốt ráo không. Ba cõi không có pháp riêng, chỉ do một tâm tạo tác, nay tìm tâm không thật có, tức tất cả không. Quán tâm vô tâm, quán không vô không tức vô sở đắc không, quán hữu kiến ba giả không thật có, tức hữu pháp không, quán không thấy ba giả, chẳng thật có, tức vô pháp không. Quán vừa hữu vừa vô thấy ba giả không thật có, tức vô pháp hữu pháp không, quán như thế tức đồng với ý của đại phẩm, đó gọi là mười tám thứ từ giả nhập không quán. nếu người không ngộ thì chuyển nhập nói nhau phá giả, vì sao? Vì tuy nhân thành tứ phá không được tâm sinh, nay hiện thấy tâm, niệm

niệm sinh diệt nối nhau không dứt, vì sao lại cho là bất sinh. Niệm niệm này là niệm trước diệt, niệm sau sinh, hay là niệm trước không diệt niệm sau sinh? Hay niệm trước vừa diệt vừa không diệt niệm sau sinh? Hay niệm trước chẳng diệt chẳng không diệt sau sinh? Nếu niệm trước không diệt niệm sau sinh thì đây là niệm tự sinh niệm, hai tướng sinh đều cũng không có năng sở, nếu niệm trước có tánh sinh, sinh ra niệm sau, tánh này là có hay là không? Nếu có thì chẳng phải tánh, nếu không thì không sinh như trước. Nếu niệm trước diệt, niệm sau sinh, là trước không diệt sinh gọi là tự tánh, nay do diệt sinh không diệt hy vọng diệt, há chẳng phải tha tánh, trong tha tánh diệt có sinh cho nên sinh, vô sinh cho nên sinh, có sinh là sinh sinh diệt chống trái lẫn nhau, đó gọi là sinh sinh vì sao cho là diệt sinh! Nếu diệt vô sinh thì vô làm sao năng sinh, nếu diệt có tánh sinh thì tánh phá như trước. Nếu niệm trước vừa diệt không diệt mà niệm sau sinh, nếu diệt rồi thì thuộc về diệt, nếu bất diệt thì thuộc về bất diệt, nếu không diệt hiệp với diệt năng sinh, tức là công sinh cộng sinh tự trái ngược nhau. Tự trái ngược nhau thì làm sao có thể sinh? Lại nếu mỗi mỗi có sinh thì có hai lỗi, mỗi mỗi vô sinh hiệp lại cũng bất sinh. Nếu trong diệt bất diệt có tánh sinh thì là có hay là không? Nếu tánh nhất định là có thì tại sao gọi là Diệt bất diệt? Nếu tánh nhất định là không (vô) thì tại sao lại gọi là diệt bất diệt, đây không tránh khỏi lỗi đoạn thường, lại rơi vào cộng lỗi. Nếu niệm trước chẳng phải không diệt, thì không đây chẳng phải diệt chẳng phải bất diệt, nếu có thì chẳng phải vô nhân, nếu vô vô nhân thì không thể sinh. Nếu vô nhân thì có tánh sinh thì tánh đây tức là nhân, tại sao gọi là Vô nhân? Nếu Vô thì vô bất năng sinh. Như thế thì tứ cú thôi tương tục giả cầu tâm không được, không có bốn tánh thậ chấp tâm tức là mỏng manh, nhưng có tên gọi tâm là chữ không trụ trong ngoài, chặng giữa, cũng không thường tự có, nối nhau vô tánh tức thế đế phá tánh, gọi là tánh không, nối nhau vô danh, tức chân đế phá giả, gọi là tướng không, tánh tướng đều không cho đến tạo tác mười tám như trước nói, đó gọi là từ giả nhập không quán. Nếu không đặc nhập thì còn chấp có tâm, đối đãi với vô tâm, hoặc tương đãi khởi, đây khác với trên. Nhân thành chọn lấy hai pháp căn trần hòa hiệp làm nhân thành nối nhau dọc chọn lấy ý căn, trước sau là nối nhau, dọc vọng sinh diệt, đây là biệt diệt, biệt diệt thì hẹp. Nay tương đãi giả, đối với thông diệt, nghĩa này thì rộng. Thông biệt như ba vô vi tuy không cùng là diệt mà được gọi là vô sinh, đối đãi hư không vô sinh mà nói tâm sinh, tức là tương đãi giả. Trên đã không liễu ngộ lại vì hoặc trên cùng khởi hoặc này cho nên nói nhân bao gồm,



hoặc trên vẫn còn lại khởi hoặc này, cho nên nói lỗi. Lại nữa, nhân bao gồm là vô sinh pháp trần đối đãi với ý căn sinh, cũng là nhân thành, nhân giả ở trên nối nhau đối đãi, tức là nối nhau cho nên nói nhân bao gồm, lỗi ấy: Hai giả trên không đối với thông diệt khởi hoặc ở đây y cứ vào thông khởi, há chẳng phải lợi ư? Giải thích đã khác với xưa mà mượn lời nói kia để chỉ bày tướng tương đãi giả, nay xem xét tâm này là đối đãi với tâm vô sinh mà sinh hay đối đãi với tâm hữu sinh mà sinh, hay đối đãi với tâm vừa sinh vừa vô sinh mà sinh, hay đối đãi với tâm chẳng sinh chẳng vô sinh mà sinh? Nếu đối đãi với tâm vô sinh mà sinh thì hữu này vô sinh, vô này vô sinh, nếu hữu sinh có thể đối đãi thì lại là đối đãi mà có sao nói đối đãi vô! Hữu hữu đối đãi nhau tức là tự sinh. Nếu không có vô sinh này thì không chỗ nào đối đãi, nếu chỉ đối đãi với vô vô này mà sinh tâm thì tất cả vô vô cũng nên sinh tâm, vô hy vọng đối với hữu vô tức là tha sinh. Lại vô sinh tuy vô nhưng có tánh sinh, vì đối đãi với tánh này cho nên biết có tâm, tánh đây là đã sinh hay chưa sinh! Nếu đã sinh thì sinh tức là đối với tánh, vì sao gọi là tánh? Nếu tánh chưa sinh, chưa sinh thì làm sao năng sinh, nếu đối đãi sinh mà tâm sinh, thì sinh ấy lại đối đãi sinh trưởng nên đối đãi sinh trưởng, đã không có nghĩa này đâu được tâm sinh. Nếu đối đãi sinh vô sinh cho nên có tâm sinh, như đối đãi dài ngắn mà có dài, đây là rơi vào hai lỗi, nếu đều có thì đồng hai thứ sinh, đều không thì hoàn toàn không thể được như trước. Nếu đối đãi chẳng sinh, chẳng phải vô sinh mà có tâm sinh, luận chép: Từ nhân duyên còn không thể, hưởng gì không nhân duyên. Lại vô nhân này là có hay là không? Nếu có tức là đối đãi có, nếu không tức là đối đãi không, vì sao gọi là vô nhân? Nếu nói có tánh thì tánh này là có hay là không! Nếu tánh là hữu thì sinh hay chẳng phải sinh, nếu sinh đã là sinh thì vì sao là tánh? Nếu vô sinh thì làm sao năng sinh, bốn câu như vậy suy tìm tương đãi giả, tìm tâm sinh không thật có chấp tâm tức mỏng manh, không khởi thật tánh chỉ có tên gọi. Cái sinh của tên gọi sinh thì chẳng phải sinh, chữ ấy không ở bên trong, bên ngoài, hay ở giữa, cũng không thường tự có, chữ này không thật có, tìm tánh không thật có, thế để phá tánh, đó gọi là tánh không, tìm tên gọi không thật có chân để phá giả, đó gọi là tướng không. Lại nữa, trong tánh tướng này cầu ấm nhập giới không thật có, tức là pháp không, trong tánh tướng cầu nhân ngã tri kiến không thật có, gọi là chúng sinh không, cho đến tạo tác mười tám như trước nói, đó gọi là từ giả nhập không tuệ nhãn được khai nở, thấy được Đệ nhất nghĩa, chẳng những thấy ba giả hoặc dứt mà tất cả kiến hoặc đều thanh tịnh, chánh trí hiện tiền, có gọi là vô

sinh môn thông với chỉ quán, cũng là chỉ quán thành vô sinh môn, nếu không ngộ phải khéo dùng chỉ quán khéo léo phá kiến giả, lén pháp hồi chuyển thành phương tiện đạo, hàng phục hữu kiến, thì vô lượng phiền não thấy đều bị hàng phục, vì hàng phục nên gọi là năm ấm thiện hữu lậu. Do bị hàng phục cho nên hữu kiến không khởi, đổ vào vô kiến chấp, như ở sau phá. Xét rằng do phá kiến nên văn tứ bất định, nếu hạng thượng căn nghe quán thì đối với sinh biệt sinh vô sinh phá chấp được ngộ, hạng trung căn chấp nhẹ, thành hàng phục kiến, phương tiện thiện hữu lậu năm ấm, hàng hạ căn chấp nặng vẫn có tâm dính mắc, nghe phá sinh không được sinh, cho vô sinh là thật, lại khởi chấp vô sinh lại sẽ phá chung riêng. Phá chung như trong Đại Phẩm chép: Biết vô sinh, còn không thật có huống chi biết sinh, lại biết sinh còn không thật có, huống chi biết vô sinh, sinh và vô sinh đều không thật có. Trong kinh Lăng-già lại rộng phá kiến chấp vô sinh nhưng lý vô sinh thì thức chẳng biết được.

Thế nào là tình xả hữu duyên, vô duyên? Như loài trùng bộ khuất lại giống như khỉ vượn, không nên luống dối chấp trước kiến chấp này đó gọi là phá chung. Phá riêng: Hành nhân dùng chỉ quán phá nhân thành ba giả không thấy có tánh tướng, rõ ràng nhập định, không thấy trong ngoài, cũng không có trước sau, không hình tướng đối đãi, vắng lặng định trụ, hoặc hoát nhiên quên thân tâm, tất cả đều thanh tịnh, liền phát vô tâm này, tự cho là được vô sinh chỉ quán, định tuệ đã thành mà khởi kiến chấp, chấp không tướng này, các Phật không hóa độ, vì sao không hóa độ? Vì quán tâm truy tìm giới hạn, phát một phần tế định, sinh một phần không giải, đây là pháp không kiến, trần tướng ứng với tâm đâu có liên hệ với vô sinh. Thích luận phân biệt ngoại đạo và Phật pháp cả hai đều quán không, vì sao có khác? Ngoại đạo chấp trước quán không trí tuệ, tức là cho rằng không trần phát sinh vừa rồi là Niết-bàn, tức có năng quán, năng quán ấy liền thành thân kiến, vì thân kiến cho nên liền có lợi căn, độn căn mười sử cho đến tám mươi tám sử... sinh tử mệnh môn như trước nói, tội lỗi như vậy đều do không trần sinh khởi, ngăn chướng chân thật, mất đạo, đâu hơn với Niết-bàn, đó gọi là không quán của ngoại đạo. Đệ tử phát quán vô sinh, hoặc phát không tâm, khi không tâm sinh liền biết đó là ái, vì sao? Vì sinh gọi là ái pháp, ái pháp tức là vô minh, vô minh sinh tám mươi tám sử ngã kiến, mỗi hoặc đều đầy đủ ba giả, cuối cùng không chấp cho là chân thật vô sinh. Thế nào ba giả? Bởi do từ trước đến nay thấy có ba giả bị hàng phục độ nhập vô kiến, vô sinh pháp trần đối đãi với ý căn, một niệm không tâm sinh tức

nhân thành giả, do tâm sinh diệt rồi cho nên tâm vô sinh sinh ra, gọi là tương tục giả. Hoát nhiên vô sinh đối đãi với hữu sinh, gọi là tương đãi giả. Phải tìm xét tâm vô sinh này sinh là ý căn sinh, là pháp trần sinh, là hợp là ly nếu ý căn sinh thì là căn sinh, hay là thức sinh. Nếu căn sinh thì trong căn có thức cho nên sinh thức, vì vô thức cho nên sinh thức. Nếu căn có thức, thì là căn hay chẳng phải căn, nếu thức là căn thì không có năng sở, nếu căn vô thức thì làm sao sinh được thức. Nếu căn có tánh sinh thức thì tánh ấy là có hay là không? Nếu tánh có thì thức tánh và thức là một hay là khác? Nếu là một thì tánh tức là thức, nếu là khác, khác làm sao có thể sinh thức, tự sinh bên trong tra xét tâm không thật có, đầy đủ như trên nói. Nếu do trần khởi tâm vô sinh thì trần ấy có tâm hay không có tâm, nếu có tâm thì không có năng sở, nếu không tâm thì không phải không thể sinh. Lại trần là một hay khác. Nếu một thì không có năng sở, nếu khác thì bất năng sinh, xem xét tha tâm không thật có, đầy đủ như trên nói. Nếu căn trần hợp thì có tâm vô sinh ra, đây có hai lỗi, như trước nói...

Lại nữa, lại căn là trần có tâm vô sinh sinh ra, từ duyên sinh còn không thể được hưởng chi là vô nhân duyên như trước nó. Nên biết tâm vô sinh không tự không tha, không hợp không ly, không có bốn tánh, không có bốn tánh nên gọi tánh không, tánh không tức vô tâm mà nói tâm, chỉ có tên gọi không ở trong, không ở ngoài, đó gọi là tướng không, cho đến mười tám không như trên nói, đó gọi là từ giả nhập không, kiến Đệ nhất nghĩa, chẳng những vô kiến giả phá hoặc trên chướng dưới, tất cả đều trừ, được chánh trí tuệ. Nếu chưa bỏ được cần phải dùng chỉ quán khéo léo tu tập, tin pháp hồi chuyển thành phương tiện đạo, hàng phục khổ tập, tất cả ấm giới nhập... tám mươi tám sử đều bị hàng phục, do bị hàng phục nên gọi là thiện hữu lậu. Do siêng tu tập nên vô kiến trong giả không còn sinh khởi trở lại nữa, độ nhập vào hữu vô giả, như ở sau phá... kế đến phá vừa hữu vừa vô kiến ba giả. Hành nhân khéo dùng chỉ quán hàng phục hoặc vô kiến, vô giả không khởi, hoặc tiến thêm một phần định tuệ, hoát nhiên phát khởi vừa hữu vừa vô tương ưng với tâm, bèn cho rằng nếu vô tâm thì ai biết vô sinh, vô sinh là vô, biết tức là có. Khi phát tâm này thì thọ kiến chấp vừa có vừa vô, nghĩa là sự thật này chấp chặt không thể bỏ, không biết tội lỗi, như Trường Trảo tự cho mình có đạo, thật là khổ tập, vì không thể biết, nhờ Phật khai ngộ, người phát kiến cũng giống như vậy, mê kiến độc này không hiểu biết chân chánh. Nếu nghe chỉ bày chấp tâm chấp liễu thì làm sai chỉ bày? Năm thọ trong đại phẩm đều không thọ, tại sao ông thọ pháp

trần vừa hữu vừa vô này? Há chẳng phải thọ ấm ư? Duyên hình tượng dáng mạo này hành pháp này hiểu rõ phân biệt pháp này thì bốn ấm rõ ràng, thọ tướng này đều gọi là ô uế, kiến ấy nương vào sắc ấm. Lại ý căn thọ là pháp trần vừa có vừa không, tức là giới, căn trần liên quan nhau tức là nhập, đó gọi là khổ. Lại nữa, ngã năng hành, năng thọ, năng biết pháp này là giả danh, tức khởi ngã kiến, ngã kiến đã sinh liền có biên kiến, nếu bác bỏ nhân quả là tà kiến, chấp đây cho là đạo thì gọi là giới thủ, chấp là Niết-bàn thì gọi kiến thủ, trái với sân, thuận với hỷ cho là ta hiểu biết, khinh mạn người khác, không biết khổ tập tức si, về sau sẽ nghi lớn, mười sử này... trải qua ba cõi có tám mươi tám sử, trái với đạo chân thật, thuận với sinh tử, thấy đều sinh ra từ trong tâm chấp vừa có vừa không lại kiến tâm này tức đầy đủ ba giả, lệ theo như trước có thể biết. Nay phá chấp ba giả này trở lại dùng bốn câu, mỗi câu lệ theo trước có thể hiểu, như vậy phá rồi, ba giả bốn câu ấm nhập đều vô thật tánh, tức là tánh không, chỉ có tên gọi, tên gọi tức không, đó gọi là tướng không. Tánh tướng đã không, cho đến mười tám không như trên nói, tức là nhập vào Đệ nhất nghĩa chánh trí hiện tiền, nếu không nhập thì khéo dùng tất-đàn, tín pháp hồi chuyển, khéo tu chỉ quán, hàng phục các kiến chấp khiến thành phương tiện thiện pháp hữu lậu. Kiến chấp vừa hữu vừa vô tuy bị hàng phục không khởi vẫn độ nhập vào chẳng phải có chẳng phải không kiến như ở sau phá.

Kế là phé chẳng phải hữu chẳng phải vô kiến, trên siêng năng dùng phương tiện hàng phục hữu vô kiến, hoát nhiên lại phát tâm là hữu vô, vì sao? Vì nếu tâm quyết định là hữu thì không thể khiến vô, nếu tâm quyết định là vô thì không thể khiến cho hữu, tại sao cho rằng vừa hữu vừa vô, nếu không nhất định hữu thì chẳng phải hữu, nếu không nhất định vô thì chẳng phải vô, chẳng hữu chẳng sinh, chẳng vô là chẳng diệt, vượt ngoài hữu vô gọi là Trung đạo, đồng với Trung luận. Vì sao? Vì hữu ở trước là pháp nhân duyên sinh, vô kiến tức là không, vừa hữu vừa vô tức là giải, ở đây là tức trung, chấp chắc tâm này, chấp cho là thật, người ấy sinh khởi vô lượng tội lỗi. vì sao? Vì nếu ông cho tâm này là thật thì dùng ngôn ngữ lường dối hư vọng làm thật ngữ, sinh ra ngữ kiến, cho nên chẳng phải chân thật. Nếu chân thật thì tâm này lẽ ra là thường lạc ngã tịnh, tâm này sinh diệt nên chẳng phải thường, thọ tâm này nên chẳng phải lạc, không tự tại nên chẳng phải ngã, ô uế nên chẳng phải tịnh. Tâm chấp ngã sinh nên có thân kiến, kiến hữu vô chưa tránh khỏi chẳng phải hữu chẳng phải vô, như loài trùng khuất bộ gọi là biên kiến, cho phi hữu phi vô kiến là trung đạo, chung cho các sinh tử,

là ngu si luận, phi đạo phi tự cho là đạo tự, đó gọi là giới thủ; cho tâm phi hữu phi vô là Niết-bàn, có các sử ấm giới nhập, lợi độn... đó là kiến thủ, cho phi hữu phi vô là chánh pháp, phá tất cả nhân quả thế gian nên gọi là phi hữu, phá tất cả nhân quả xuất thế gian nên gọi là phi vô, phá chánh kiến oai nghi còn không phải đạo lý thế gian, làm sao xứng với đạo lý xuất thế? Thà khởi ngã kiến như núi Tu-di chứ không chấp không sai lầm, cho bất chánh là chánh, đó gọi là tà kiến. nếu thuận khen thì thích, trái chê thì nổi sân, không biết tâm ấy là cỏ độc hay thuốc tốt thì là si, tự nhục mạ người khác thì mạn, về sau sẽ rất nghi ngờ, tóm lược lỗi có mười, rộng thì không thể kể hết. Các lỗi như vậy đều từ trong tâm chấp phi hữu phi vô mà có ra, lại mỗi lỗi đều đủ ba giả như trước... nếu phá kiến giả kiến giả này lại dùng bốn câu chỉ quán trước thì tùy theo mà phá như trước...

Lại nữa, chỉ ra các kiến năm ấm là nêu bày sự khổ kia, chỉ ra mười sử là nêu bày tập kia, dùng chỉ quán để phá là nêu bày đạo kia, các kiến hoặc hàng phục hoặc không là nêu bày sự diệt kia. Tất cả ngoại đạo tà giải, Phật pháp tránh chấp, vô lượng tội lỗi, đều dùng bốn Để để phá, đều đối phạm Thánh Thánh. Đức như lai ban đầu nói về năng lực của tứ đế trong Kinh A-hàm còn có thể như thế, hướng chi ba thứ đế của Đại thừa vì sao không phá ư? Nếu phá phi hữu phi vô kiến thì tất cả các hoặc cũng đều dứt hết, phát sinh trí tuệ chân chánh, đó gọi là từ giả nhập không kiến đệ nhất. Nếu không nhập thì nên dùng chỉ quán tín pháp hồi chuyển, khéo léo tứ tùy phương tiện tu tập, hàng phục các kiến hoặc thì tâm chấp liền mỏng, trụ phương tiện đạo, thành pháp thiện hữu lậu. Kiến này không khởi thì độ nhập vào vô ngôn thuyết, như sau sẽ phá... sở dĩ mỗi tiết nói lỗi của kiến chấp ấy là ân cần khuyên nhắc hành nhân khiến cho họ quán tâm, khéo biết bỏ độc, phân biệt thuốc hay, nếu hiểu được ý này thì không bao giờ lầm chấp, chương tiết tuy nhiều mà không lẫn lộn, có thể hiểu rõ lý này có thể cùng luận đạo, cũng như người mù mà màu sữa. Kế đến phá vô ngôn thuyết kiến giả, nếu phá được như trên, hoặc tiến lên phát sinh định tuệ, hoát nhiên vắng lặng, lại khởi sự hiểu biết khác lạ, nghĩa là thích hợp với hữu này thì có sinh tử. Bốn câu đều giả, luống dối không thật. Lý ở ngoài lời nói, bật dứt bốn câu, đó là vô sinh, nghĩa là vượt ngoài bốn câu mà thật không vượt ra ngoài. Lược có ba thứ ngoài bốn câu:

1. Đơn.
2. Phức.
3. Cụ túc.

Nếu cho rằng lý ở ngoài lời nói chính là vượt ngoài bốn câu đơn, không vượt ra ngoài câu thứ hai phức kiến, cũng không ngoài câu đầu cụ túc kiến, cho nên biết lưới kiến che lấp bí ẩn khó có thể vượt khỏi được.

**Kinh Pháp Hoa chép:** Loài yêu quái ma quỷ chỗ nào cũng đều có, phức có các kiến chấp mỗi kiến chấp đều có ba giả khổ tập, quán phá giả đều như trên nói. Nếu người đối với các kiến chấp mà tu tập đạo phẩm đều được liễu ngộ mỗi tiết, từ giả nhập không kiến Đệ nhất nghĩa. Nếu chưa được ngộ nhập thì đơn phức đầy đủ, tất cả các kiến đều bị hàng phục thành năm ấm thiện hữu lậu, kiến không được khởi, hoặc tiến lên phát sinh thiện giải. Lại nói vượt ngoài đơn phức, cụ túc bốn câu đường ngôn ngữ bật, chỗ tâm hành diệt, hoát nhiên thanh tịnh, tức là đạo vô sinh, bật dứt ngôn ngữ. Kiến chấp như thế là không thể nói dứt bật ngôn ngữ, đâu có quan hệ đến chánh đạo, luống cho là dứt bật ngôn ngữ, ngôn ngữ trọn không dứt. Vì sao? Vì đối đãi với bất tuyệt mà nói về tuyệt, tuyệt lại là đối đãi, đối đãi cho nên sinh khởi, không nên nói tuyệt, như tránh hư không, làm sao thoát khỏi lý.

Lại nữa, đọc phá bất tuyệt: Vì tâm bất tuyệt, nên vô ngôn kiến khởi đủ tất cả nhân quả sinh tử, tại sao gọi là tuyệt? Từ trên đến đây mỗi tiết đều có hai thứ phá dọc ngang, đối với một hữu kiến là phá bề ngang, nhiều lớp bốn kiến là phá chiều dọc, vì giới giả là phá bề ngang, tương tục giả là phá bề dọc, tương đãi giả là vừa phá chiều ngang vừa phá chiều dọc, phá chung là phá chẳng ngang chẳng dọc, nói chung chỉ là phá theo chiều ngang, nay sẽ phá theo chiều dọc. Ông chấp tâm là có, có tức là sinh, ông sinh những gì? Vì là ngũ đình chung riêng niệm xứ, noãn đảnh nhãn thế đệ nhất sinh, hay là vì khổ nhãn chân thật sáng suốt sinh, hay là vì suy tư lo lắng sinh, hay vì Can tuệ địa tự đạo sinh, hay vì tám hạng người kiến đế sinh, hay vì thần thông du ký thế nguyện cứu giúp tập khí sinh, hay vì hàng tam hiền phục đạo tự giải sinh, hay hàng thập Thánh chân thật hiểu biết sinh, hay là thiết luân tự đạo sinh, hay đồng luân chân đạo sinh, là biến khắp pháp giới tự tại sinh, dùng các sự sinh này xét lại tâm chấp của ông toàn không có khí phần mà nói, phi kiến chấp là kiến. nếu chấp tâm là vô sinh thì vô tức là bất sinh ông vì sao bất sinh? Là vì kiến bất sinh, hay vì tư bất sinh, hay thói quen bất sinh, hay vì trần sa bất sinh, hay vì vô minh bất sinh, hay vì nghiệp bất sinh, vì báo bất sinh hay lý bất sinh, hay hạnh bất sinh?

Người đời nói: Bất sinh bất sinh tức là Phật, còn đạo là pháp Phật. Nay giải thích lời nói này tức là ba thân Phật, lý bất sinh tức pháp Phật,

vô minh bất sinh tức báo Phật, trần sa, kiến, tư hoặc bất sinh tức ứng Phật. lại nữa, vô minh bất sinh tức pháp Phật, kiến tư hoặc bất sinh tức báo thân Phật, trần sa bất sinh tức ứng thân Phật. lại nghiệp hạnh vị bất sinh tức ứng thân Phật, trí nghiệp bất sinh tức báo thân Phật, lý bất sinh tức pháp Phật. Lại ứng thân Phật tự từ nhân duyên sinh, báo thân Phật từ liễu nhân sinh, pháp thân Phật từ chánh nhân sinh. Ba thân Phật sinh tức vô sinh, vô sinh tức ba Phật sinh, nếu nghe tự môn a liền hiểu nghĩa tất cả, vì sao chỉ có một giải thích ư! Xuống bén cuộc đất tận đến kim cương một phen nghe bất sinh hiểu khắp pháp giới bất sinh đem các điều bất sinh so sánh với tâm chấp của ông thì hoàn toàn không một phần nào chẳng phải kiến là vì sao?

Có người hỏi văn Trung Luận rằng: Bất sinh bất diệt không hề đúng với lý sâu xa, vì sao? Vì phiền não là sinh pháp, ba tướng đối đời, pháp là diệt, nhưng không có pháp diệt này cho nên nói bất sinh bất diệt, chỉ nhập không, không thấy ý trung.

Các sư trung luận giải thích rằng: Bất sinh bất diệt, không phải là không sinh, không phải là không diệt, để hiển bày Trung đạo, giải thích này phù hợp với Trung đạo mà tổn vấn mất nghĩa. Vì sao? Vì ý của Ngài Long Thọ bao gồm dung, bao gồm riêng, cho nên nói bất sinh bất diệt. Bất sinh là không sinh trong hai mươi lăm hữu, không có ba tướng diệt của biến diệt, phá được hai mươi thứ thân kiến, thành Tu-đà-hoàn cho đến vô học, đâu chẳng phải bao gồm ý chung, cũng bao gồm ý tam tạng giáo, hoặc sinh hoặc diệt, đều thuộc về sinh, Niết-bàn đâu không, chỉ thuộc về vắng lặng không sinh này không diệt này, đều ngăn hai bên, đâu phải bao gồm ý biệt, nếu sinh diệt là pháp do nhân duyên sinh, tức không tức giả tức trung, tức không cho nên không sinh, tức giả cho nên không diệt, bất sinh bất diệt tức là trung đạo. Xét văn giải thích bao gồm nhị trong biệt hiển bốn nghĩa rõ ràng, ngài Long Thọ khéo léo dùng một câu bất sinh bất diệt rộng thâm nhiếp các pháp mới hợp với (Đại thừa) Ma-ha-diễn. Nếu mở mọi động lưởi, nặng về vấn đề ăn nói, rút viết làm nhiệm bút lông chỉ thêm một chấm, chỉ còn được một ý, hoàn toàn mất hết ba môn, chỉ liên quan chút ít bên ngoài, tuy muốn giúp đỡ mà lại thành mất sót. Nay giải thích một câu bất sinh, chẳng những bao gồm bốn nghĩa mà còn lược nêu mười ý bất sinh, chẳng bất sinh.

1. Tất cả pháp có thể phá, có thể hoại, tất cả ngôn ngữ có thể chuyển chẳng phải hữu, chẳng phải vô, bất lời lia câu. Không một pháp nhập tâm, đó là một bất sinh, bất sinh cũng bất anh cho nên nói là bất

bất sinh. Tuy tình gọi là bất sinh nhưng thật là sinh, như phi tướng cho là vô tướng mà thành tựu tế tướng, đây là bất bất sinh thuộc ngoại đạo tà kiến.

2. Các đạo nhân phái độc tử chấp ngã ở trong tạng không thể nói thứ năm, đây là một bất anh, vì bất sinh. Nếu tam tạng Nhị thừa dứt kiến hoặc, tư hoặc trong ba cõi, một bất bất kiến, một bất bất tư nên gọi là bất bất sinh nhưng thói quen vẫn sinh. Nếu tam tạng, Phật chánh tập đều bất thì gọi là bất bất sinh, một bất bất chính, một bất bất tập, cho nên nói bất bất sinh, pháp phân tích này bất bất sinh. Nếu Thông giáo xét thể hội được kiên vốn bất sinh, thể hội được tư vốn bất sinh cho nên nói bất bất sinh.

**Kinh Tư Ích chép:** Ngã đối với vô sinh vô tác mà được tác chứng. Hàng Nhị thừa tuy thể hội không có kiến hoặc, tư hoặc nhưng thói quen vẫn sinh, Thông giáo Phật ngôi đạo tràng chánh tập đều hết, cũng là bất bất sinh, đây là phần đoạn bất bất sinh. Nếu hàng biệt giáo dứt hoặc chung riêng, một bất bất thông, một bất bất diệt, gọi là bất bất sinh, một phẩm một phần, hai phẩm hai phần này bất bất sinh, phần trên vẫn sinh. Nếu biệt giáo Phật, phần trên hết gọi là bất bất sinh, đây vẫn là phương tiện quyền nói bất bất sinh. Nếu hàng Viên giáo một bất bất thông, một bất bất diệt, gọi là bất bất sinh, vẫn còn ở nhân địa, còn có phước báo hành trí sinh ở thượng địa. Nếu Diệu giác trí viên mãn, trí kia không còn sinh thì vô minh rốt ráo hết, hoặc nghiệp không còn sinh, hành trí báo... rốt ráo bất bất sinh. Lại chân lý cùng cực cho nên một bất bất sinh, viên lý cùng cực cho nên một bất bất sinh, lại lý bản bản bất sinh, nay cũng bất bất sinh. Nếu tạo tác đơn, bất sinh ngữ nghiệp, pháp cũng hết như trước nói. Nếu tác bất bất sinh ngữ, nhiếp pháp cũng hết. Ông tác bất sinh thì chỗ nào bất sinh, ông tác bất bất sinh lại ngang bằng chỗ nào bất bất sinh, người khác còn không biết bất bất sinh của ngoại đạo, hướng chi biết bất bất sinh tối hậu, đâu được không vừa lòng kiến ấy, phải hết lòng phá bỏ. Phá theo chiều dọc kiến chấp vừa hữu vừa vô, kiếp chấp chẳng phải hữu, chẳng phải vô, như trong, như trong thượng Bồ-đề tâm giải thích danh dứt bất đối đãi, bên trong nêu bày tướng ấy. Nếu cho rằng tâm vừa sinh vừa bất sinh thì những gì là vừa sinh vừa bất sinh? Hay là thấy bất sinh mà thật sinh, hay là tư bất sinh mà chân sinh, hay là tập bất sinh mà chân sinh, hay trần sa bất sinh mà thông dụng sinh, hay vô minh bất sinh trung đạo sinh, hay nghiệp trong bất sinh nghiệp ngoài sinh, là quả báo bên trong bất sinh quả báo bên ngoài sinh, là tiểu hạnh bất sinh đại hạnh sinh, là thiên lý bất sinh viên lý sinh, mà nói vừa



sinh vừa bất sinh. Nếu chẳng phải vừa sinh vừa bất sinh như thế... chẳng phải kiến thì là gì? Nếu nói tâm chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, thì cái gì là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, là phân tích đoạn thường chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay là thể đoạn thường là chẳng sinh chẳng phải bất sinh, hay bát địa đạo quán song lưu là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay sơ địa phá sinh tử đặc Niết-bàn là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay là quả thập địa sau cùng chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay sơ trụ ngăn cả hai bên là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay thập hạnh tăng tiến trung đạo là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay thập hồi hướng là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh? Hay thập địa là chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, hay diệu giác cực địa chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh. Đã chẳng phải những thứ này chẳng phải sinh thì chẳng phải chấp là gì? Nếu dứt bật lời nói thì bật lời nói rất nhiều, những gì là bật lời nói? Ngoài bốn câu đơn cũng gọi là tuyệt ngôn, ngoài câu phức ngoài câu cụ cũng gọi là tuyệt ngôn. Lại, Trường Trảo tất cả pháp không thọ cũng là tuyệt ngôn.

Độc tử nói: Thế đế hữu ngã ngã tồn tại trong tạng không thể nói, không thể nói cũng là tuyệt ngôn. Tam tạng nhập thật chứng chân cũng không thể nói cho nên Thân Tử nói: Ta nghe trong sự giải thoát không có ngôn thuyết, tam tạng giải thoát gồm có bốn môn nhập thật, tức có bốn thứ không thể nói. Người Thông giáo ba thừa đồng dùng vô ngôn nói đạo dứt bỏ phiền não, cũng có bốn môn không thể nói, hàng biệt giáo, quán lý thường trụ vô ngôn vô thuyết cũng có bốn môn không thể nói. Viên giáo không thể tuyên bày.

Ngài Tịnh Danh ngậm miệng, Văn-thù ấn chứng, đây cũng có bốn môn không thể nói, không thể nói nhiều người, không thể nói mà ông chấp đó là gì? Ông còn không sánh bằng không thể nói của Độc Tử, huống chi bốn không thể nói của tam tạng giáo. Vì sao? Vì Độc Tử gọi không thể nói là thế đế, không chấp là Niết-bàn, ông chấp là thật cho nên không sinh bằng với Độc Tử. Độc Tử còn là kiến, ông đâu chẳng phải kiến, vì kiến này cho nên sinh nhiều phiền não mêng mông, như trước nói. Lại phá tuyệt ngôn, ông cho rằng tuyệt ngôn ở ngoài bốn cú nay nói mười thứ bốn câu tuyệt ngôn mà ông nói là gì ngoài bốn câu.

Mười thứ: Tứ cú là: là nhất vãng tứ cú, vô cùng tứ cú, niếp điệp tứ cú, đắc ngộ tứ cú, nhiếp thuộc tứ cú, quyền thật tứ cú, khai hiển tứ cú, thật ý tứ cú, và đắc ý tứ cú. Nhất vãng tứ cú: Phạm Thánh thông suốt đều luận nói bốn câu, ý này có thể biết.

*Vô cùng tứ cú:* Tứ tứ lãng mạn không tính kể xiết, như trong bốn

mười tám bày tướng kia... kết vị tứ cú: Phạm vi bốn câu quy định đúng sai, như đơn phức, cụ túc... trụ trước không quên, tức bốn câu của phạm phu. Nếu vô cú nghĩa làm cú nghĩa, là bốn câu của bậc thành.

*Nhiếp điệp tứ cú:* Kết bốn câu phạm phu điệp làm bốn câu điệp, Nhị thừa làm vô cú, điệp Bồ-tát làm vừa hữu vừa vô cú, điệp Phật làm phi hữu phi vô cú.

*Đắc ngộ tứ cú:* Tùy ái nhập xứ, tức thành ngộ nhập môn, bốn câu tức thành bốn môn.

*Nhiếp thuộc tứ cú:* Tùy các cú môn ngộ nhập pháp nào, dùng pháp phần thuộc các pháp môn.

*Quyền thật tứ cú:* Các pháp môn bốn câu, ba bốn làm quyền, một bốn làm thật.

*Khai hiển bốn câu:* Khai tất cả bốn câu đều nhập một thật bốn câu nếu nhập thật bốn câu đều không thể nói, bằng với Phật giáo bốn câu này.

*Thật ý tứ cú:* Chấp bốn câu Phật mà khởi sự cạnh tranh, lỗi đồng với phạm phu.

Đắc ý tứ ái: Bồ-tát thấy lỗi của thất ý, làm nhỏ mà nói lớn nói về hai lần bốn câu của Phật, phá chấp bỏ mê thì có đắc ý tứ cú, công tạo luận dứt. Nếu không vừa ý gọi là tuyệt ngôn kiến, các bốn môn trước ông nói chỗ nào ngoài bốn câu mà cho rằng lý ở ngoài lời nói. Trước ngang phá bốn câu nay dọc phá bốn câu ngoài lời nói. Đời này phần nhiều có Tỳ-kheo ác ma, lui sụt giới luật trở về nhà, sợ hãi thôi thúc, lại vượt hơn đạo sĩ, lại ưa thích danh lợi, khoe khoang luận đàm lão trang, dùng nghĩa Phật pháp duyên tạc tà vậy, đem cao để xuống thấp, tìm tôn quý đưa vào nơi thấp kém, đều khiến cho bình đẳng, dùng “Đạo mà nói được thì chẳng phải là đạo thường, danh mà gọi tên được thì chẳng phải danh thường” ngang bằng với Phật pháp không thể nói bày, như loài sâu ăn lá ngẫu nhiên thành chữ, tra xét đạo lý chánh tà xa cách, người ngu tin người trí cười, vì sao? Như trước nói các điều sinh, bất sinh các thứ bốn câu, các thứ không thể nói, ông còn chẳng phải ngoài đơn bốn câu không thể nói, hướng chi ngoài phức, ngoài cụ túc, hướng chi Độc Tử ư? Độc Tử còn chẳng phải, hướng chi tam tạng Thông Biệt viên ư? Lý các pháp vốn cách xa thường danh thường đạo, làm sao ngang bằng được. Giáo tướng cách xa đã không được ngang bằng hướng chi dùng khổ để tra xét qua thì lỗi lầm hiện rõ, làm sa ngang bằng được, hướng chi đạo phẩm cách xa, làm sao được ngang bằng chánh pháp thiết yếu. Vốn đã không ngang bằng thì dấu vết cũng không sinh bằng, dấu tích

Phật đời đời là chánh Thiên Trúc Kim Luân dòng sát-lợi. Trang tử, lão tử là người nước nhỏ Chấn đán binê địa, có gi trong sử sách là tất viên lại nước tống, vậy làm sao sánh bằng, Đức Phật dùng ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp, trói buộc, thân kia, thân Trang Lão như phạm phu, hình tướng phạm phu ngồi tòa nhỏ xấu xí.

**Kinh chép:** Hình dáng của con người cõi Diêm-phù như quý, làm sao sánh bằng Phật. khi Phật phá ra ánh sáng nói pháp trái đất rung chuyển, trời người đều nhóm họp chấp tay nghe pháp, Phật tùy căn cơ thích hợp mà giảng nói, phạm âm như dòng nước, trôi chảy rõ ràng không cùng tận, khiến cho hàng căn cơ thấp kém nếu nghe cũng đều đắc đạo. Lão tử làm chủ một cõi mà bậc trên không biết, kẻ dưới không hay, không dám phát ra một lời nói can ngăn sự tranh chấp, không thể giáo hóa được một người, đi ván mỏng hư, đi ra cửa phía tây, trộm nói người ấy vui mà có công chước gì, gì lại nữa quan viên lại nêu đề bình phẩm chọn câu sửa đổi đầy đủ, quay tròn như trục, ra tạo thiên nội ngoại dùng làm khuôn phép hiển đạt, ai cũng đồng nghe, lại ai đắc đạo, làm sao sánh bằng được. Không sánh bằng như vậy, nghĩa ấy vô lượng, cuốn sách không thể nói hết, làm sao dùng tà ma can thiệp vào chánh được. Lại nữa, Đức Như Lai đi, Đế-thích ở bên phải, phạm vương bên trái, kim cương đi trước, bốn bộ chúng theo sau, bay trên hư không mà đi. Lão tử tự cầm cương đi xe trâu trên tám ván mỏng, hưởng ra cửa tây làm ruộng, trang tử bị người khác sai đi giữ cây sơn, làm lụng suốt như vậy làm sao sánh bằng Đức Phật được. Như lai định làm chuyển luân Thánh đế, bốn biển đều ngưỡng vọng đợi thần báu đến, bỗng đạt đến địa vị cao quý, xuất gia thành Phật. Lão tử làm quan đi ra phía đông kính cẩn ghi chép tiểu sử, ra phía Tây khai khẩn ruộng nước, tiếc vài mẫu ruộng, công tư bổng lộc vàng không thể bỏ đây, làm sao nói ngang bằng? Người mù không có mắt tin lời ông nói, người có trí tuệ thương xót quá lạ, cho nên biết ông không thể nói, đó gọi là tuyệt ngôn kiến. ba giả đầy đủ, khổ tập thành tựu, sinh tử rõ ràng, ôm đèn tự thiêu đốt thật đáng thương xót, nếu phá kiến này như trước đã nói... lại nữa, hàng ngoại đạo thỉnh thoảng dùng đạo mà nói được thì chẳng phải đạo thường làm Phật tuyệt ngôn, phá bất sinh bất diệt của Trung Luận gọi là câu thứ tư, tuyệt ngôn vượt ngoài lỗi bốn câu, một phen nghe nói cho rằng lời nói sinh ra lỗi, theo lý thì không như vậy. Nói bất sinh là thấy tâm bất sinh, đã bất sinh tức bất diệt, cho nên nói bất sinh bất diệt, tuyệt ngôn kiến tâm sinh tất cả ái kiến nghi mạn, vì sao dùng sinh diệt phá bất sinh bất diệt của người khác, kẻ ngu si hý luận không nên như thế.

Hỏi rằng khởi kiến chấp bất sinh bất diệt, đây lại như thế nào?

Đáp: Nên có sáu câu, tuyệt ngôn phá bất sinh bất diệt, bất sinh bất diệt phá tuyệt ngôn, tuyệt ngôn tu bất sinh bất diệt, bất sinh bất diệt tức tuyệt ngôn... tất cả phạm phu chưa bước vào Thánh đạo, do đó khởi chấp thấy đều là kiến, do có kiến cho nên ba giả khổ tập phiền nào có theo, ngư vương bối mẩu các sử đầy đủ, các nghiệp lẫn lộn, sinh tử mêng mông, một người trải qua còn vô biên bờ mé, hưởng chi nhiều người, phải biết kiến hoặc thật đáng sợ hãi, siêng năng dụng chỉ quán để dẹp bỏ kiến hoặc. Nếu khởi đơn kiến dụng chỉ quán bốn câu bàn thể hội phá, bỏ hoặc tránh đơn nhập phức, tránh phức nhập cụ, tránh cụ nhập tuyệt ngôn, không hướng tới sự sinh khởi, chỉ quán liền theo thường tịch thường tịch thường chiếu, sửa đổi không dừng, như dao kim cương mọi điều nghi đều chặt đứt, lấy sự chứng ngộ làm kỳ hạn. Quán như thế tuy không phát chân nhưng các kiến bị hàng phục, thành phương tiện năm ấm, nếu được nhập không, các kiến tiêu hết cho nên sở quả phá hết bốn mươi dăm nước, công phu rất lớn, sợ người nghe sinh nghi nêu lược bỏ ba kết, dư thừa không hết như một giọt nước, tư duy chưa hết kiến đã không còn, theo số nhiều mà nói cũng được phá hết pháp biến.

Hỏi: Từ giả nhập không phá vô lượng kiến, còn hai quán dưới làm sao phá?

Đáp: Nhập không quán phá kiến hoặc và tư hoặc, tóm lại mà nói chỉ là phá hữu. Kế đến quán chỗ phá chỉ là phá vô, Trung quan sở phá đều chẳng phải hai bên chánh hiển Trung đạo. Cho nên Thích Luận chép: Hai kiến chấp hữu vô dứt sạch không còn dư, cúi đầu trước pháp mà Phật tôn trọng, cho nên biết các kiến tung hoành còn không phải là cái mà pháp quán thứ hai phá, vì sao lầm cho là pháp chân thật ư!

Hỏi: Tóm lược sinh tử gọi là hữu, tóm lược Nhị thừa gọi là vô, hữu kiến ngang dọc vô lượng, vô cũng nên như vậy sao?

Đáp: Phạm phu vọng chấp, gặp việc thì sinh đắm nhiễm cho nên có nhiều, hàng Nhị thừa đã dứt kiến tư hoặc, không còn chấp ngang, chỉ chứng không, đại thừa phá bỏ gọi là không kiến.

### **(2) Phân biệt đặc thất:**

Hỏi: Chỉ quán như thế tùy theo các kiến, có gì đặc thất?

Đáp: Phân biệt bốn câu:

1. Hoặc cũ chưa dứt hoặc mới lại sinh.
2. Hoặc cũ dứt hoặc mới lại sinh.
3. Hoặc cũ không dứt hoặc mới không sinh.

4. Hoặc cũ dứt hoặc mới không sinh.

1. Thí như uống thuốc, bệnh không lành mà thuốc trở thành bệnh.

2. Bệnh đã được trị lành mà thuốc thành bệnh.

3. Bệnh tuy không lành mà thuốc không chướng ngại.

4. Bệnh cũ đã lành, thuốc cũng hết theo.

1. Hai thứ trước là tướng đặc thất của ngoại đạo, hai thứ sau là tướng đặc thất của đệ tử Phật. vì sao? Vì vốn dụng chỉ quán để trị hoặc sinh tử mà tâm tham dục đều không dừng nghỉ. Nhân chỉ quán này lại phát sinh các kiến, phá nhân phá quả, không nơi chốn, không tạo tác, cho nên các hoặc cũ không dứt mà hoặc mới lại sinh khởi.

2. Khi tu chỉ quán tham cầu y thực, các người độn căn phiền não dứt nên không khởi, chịu đựng khổ lạnh, dao cắt hương bôi mà không sinh thương ghét, tài vật được mất trong tâm bình đẳng, tâm chấp kiến thật đáng sợ hãi, như ngựa khát nước nhờ nước giúp hết khát mà còn đường đột phá hoại, bác không nhân quả, vậy thì hoặc cũ dứt mà hoặc mới sinh, hai thứ này thuộc về ngoại đạo, chỗ ái sinh á, chỗ sân anh sân, nếu người học chỉ quán bị thế thì đồng với ngoại đạo kia.

3. Đệ tử Phật tu chỉ quán này làm phương tiện đạo: Hiểu sâu nhân duyên kiến ái vô minh, do đó tâm khởi liền biết ba giả, chỉ quán theo đó phá tánh phá tướng. Tuy còn tham sân mà kiến chấp đã hết. Sáu mươi hai kiến chấp bị hàng phục không sinh khởi, đó gọi là hoặc cũ không dứt mà hoặc mới không sinh, đó là người phương tiện trung đạo.

4. Nếu được như thế thì ba giả bốn quán tùy niệm xét trách, thể đạt thì tánh tướng luống dối đều không, hoát nhiên phát chân liền được thấy lý, chẳng những bệnh cũ hết hẳn mà bệnh mới cũng không phát sinh, đó gọi là nhập kiến đế đạo thành Thánh nhân...

**(3) Nói về phá kiến vị:** Nếu tu pháp này hiểu rõ về tứ đế, khéo dụng quán tuệ, các kiến bị hàng phục, nương pháp tam tạng gọi là tổng biệt niệm xứ, chánh hàng phục bốn điên đảo, bốn đảo không sinh thì noãn liền phát, thành địa vị phương tiện... tiến lên phá các kiến, phát chân thành Thánh, tức địa vị sơ quả. Nếu nương giai vị hàng phục kiến của Thông giáo là Căn tuệ địa, nếu hiểu được nước lý thấm nhuần tâm thì thành tánh địa, nếu tiến lên phá kiến tức là giai vị của tám vị kiến địa. Nếu y hàng phục kiến của Biệt giáo là Thiết Luân thập tín vị, phá kiến là lục căn thanh tịnh vị, đoạn trừ, hàng phục tên thì đồng nhưng quán trí có khác. Tam tạng quán tư nghi chân thật, thiết phục pháp quán trí dứt trừ, Thông giáo quán tư nghi chân thể, pháp quán trí hàng phục dứt trừ, Biệt giáo tuy biết Trung đạo thứ lớp quán trí hàng phục dứt trừ,

Viên giáo trung nhất tâm quán trí hàng phục dứt trừ, không thể nghe tên, vẫn lẫn lộn nghĩa kia.

Hỏi: Nếu hàng phục kiến giả nhập hiền vị, cho nên hoặc cũ tuy chưa hết hoặc mới không nên sinh, đâu được khi tu chỉ quán mà có cảnh các kiến sinh khởi ư?

Đáp: Đây là do nghiệp cũ phát sinh, kiến cũ lại là hoặc cũ, như người uống thuốc thuốc trị bệnh cũ, bệnh cũ đã biến chuyển trong chốc lát tự lành, chẳng phải thuốc là bệnh mới.

Hỏi: Vì sao không nêu rõ thẳng địa vị Biệt Viên nhập không phá giả, mà nói về địa vị tam tạng Thông giáo... nhập không ư?

Đáp: Trên nói tu phát, không tu phát mười cảnh xem lẫn nhau... vì muốn nêu bày cho hành nhân pháp sâu cạn nên trình bày các giai vị. Lại muốn nói về giai bị bán mãn giúp hành giả hiểu biết, lại pháp bán tự nhập không đều là phương tiện trợ đạo trong biệt giáo và Viên giáo. “Có nhiều dây tơ theo hầu và bảo vệ”, tức là nghĩa ấy. Lẽ nào lia phương tiện mà có chân thật riêng, tức ngay nơi bán tự này mà là mãn tự, cho nên nói: Hàng Nhị thừa hoặc trí, hoặc đoạn, tức là Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Thế giả nhập không kết thành nghĩa chỉ quán, các kiến xoay vần dứt một thọ vị không lui sụt, vắng lặng hoàn toàn gọi là chỉ, thấu đạt kiến vô tánh, tánh không tướng không, gọi là quán. Thấy lý chân đế gọi là bất sinh, lý đã bất sinh lý cũng bất diệt, đó là bất sinh bất diệt, gọi là vô sinh nhẫn. Lại nữa, kiến hoặc bất sinh gọi là nhân bất sinh, không thọ sinh trong ba đường ác gọi là quả bất sinh. Nhân quả bất sinh cũng lại không diệt, không sinh không diệt gọi là vô sinh nhẫn, đó là vô sinh môn chung cho chỉ quán, cũng là chỉ quán thành vô sinh môn, từ giả nhập không, phá kiến hoặc biến đã xong.